

Ngày 30/09/2025	10,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	46.9%	54.8%	41.9%

	Q3/25	
ROE	6.8%	+/- YoY ▼ 0.4%

	Q3/25		
DT thuần	563	QoQ ▼ 146 ▼ 20.6%	YoY ▼ 250 ▼ 30.8%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	1,860	YoY ▼ 423 ▼ 18.5%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	26.2	QoQ ▲ 5.10 ▲ 24.0%	YoY ▲ 0.30 ▲ 1.0%
	tỷ VNĐ		

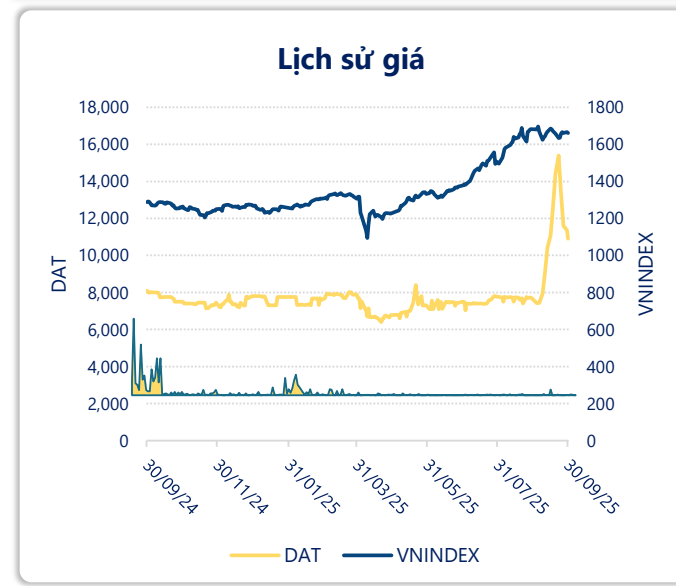
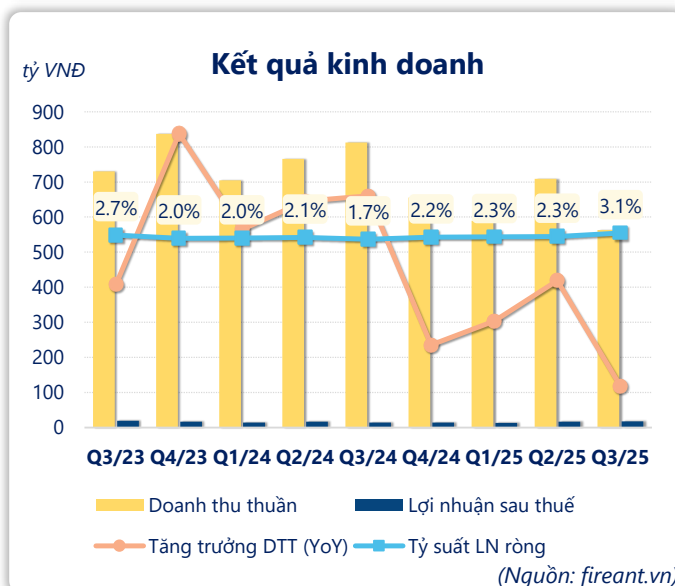
	9T 2025	
LN gộp	69.1	YoY ▼ 2.10 ▼ 2.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	19.5	QoQ ▲ 1.00 ▲ 5.5%	YoY ▲ 3.70 ▲ 23.6%
	tỷ VNĐ		

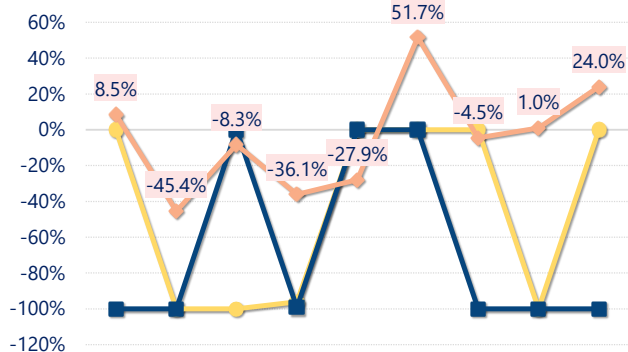
	9T 2025	
LN thuần	52.8	YoY ▲ 3.20 ▲ 6.5%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	17.6	QoQ ▲ 1.00 ▲ 5.8%	YoY ▲ 3.40 ▲ 23.7%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	47.5	YoY ▲ 2.90 ▲ 6.5%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

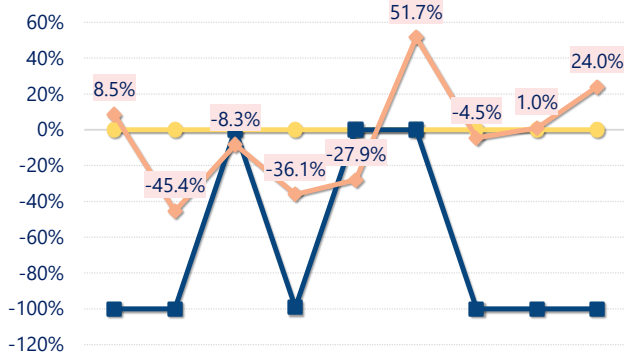


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

—●— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 —■— Tăng trưởng EBIT (YoY)
 —◆— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

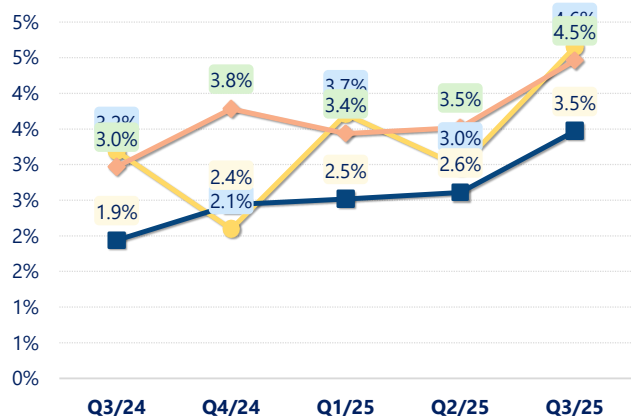


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

—●— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 —■— Tăng trưởng EBIT (YoY)
 —◆— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

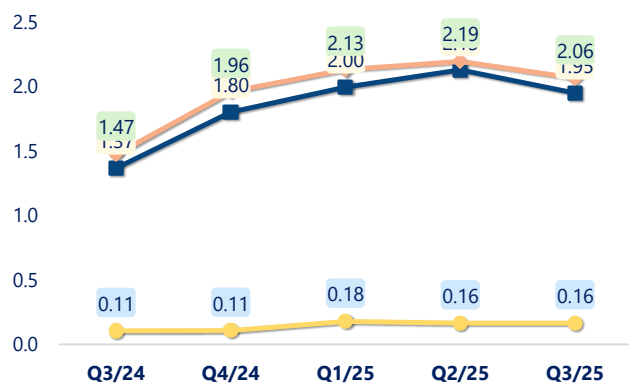


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

—●— Tỷ suất LN gộp
 —■— Tỷ suất LN thuần
 —◆— Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

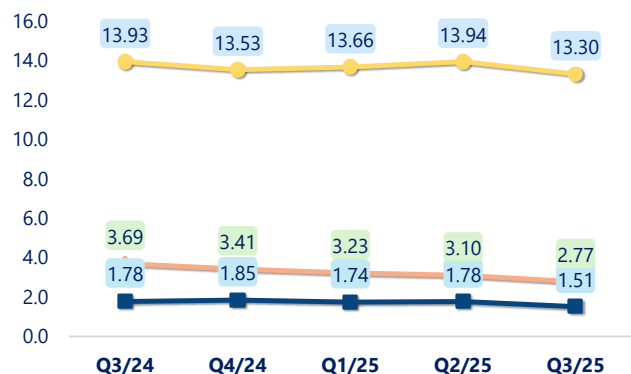


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

—●— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 —■— Tỷ số thanh toán nhanh
 —◆— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

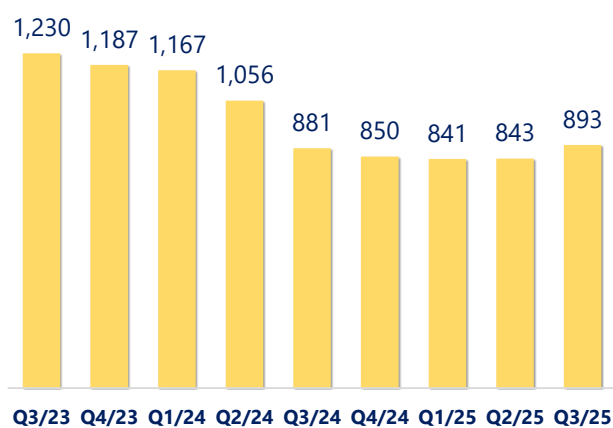


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

—●— Vòng quay TSCĐ
 —■— Vòng quay Tổng TS
 —◆— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	563	813	-30.8%	1,860	2,283	-18.5%
Giá vốn hàng bán	536	787	-31.8%	1,791	2,212	-19.0%
Lợi nhuận gộp	26.2	25.9	1.0%	69.1	71.2	-2.9%
Doanh thu HĐTC	3.87	2.58	49.9%	18.5	17.9	3.4%
Chi phí TC	5.58	9.29	-39.9%	18.7	28.2	-33.8%
Chi phí lãi vay	5.58	8.40	-33.6%	17.5	26.8	-34.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.08	1.18	76.2%	7.33	3.63	102%
Chi phí QLDN	2.85	2.28	24.8%	8.75	7.63	14.7%
LN thuần từ HĐKD	19.5	15.8	23.6%	52.8	49.6	6.5%
Lợi nhuận khác	0	-0.02	100%	0	-0.02	100%
LN trước thuế	19.5	15.7	24.3%	52.8	49.6	6.5%
Lợi nhuận sau thuế	17.6	14.2	23.7%	47.5	44.6	6.5%
LNST của CĐ cty mẹ	17.6	14.2	23.7%	47.5	44.6	6.5%

(Nguồn: fireant.vn)

